

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2026/HS-ST

Ngày: 15 – 4 – 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Trường Hận
- Bà Nguyễn Huỳnh Hường

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Minh Chiến, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Sang – Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa (có mặt).

Ngày 15 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2026/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn N, tên gọi khác: N1, T.

Sinh năm: 1987, tại Cà Mau (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp E, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp E, xã G, tỉnh Cà Mau); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Minh K và bà: Hồ Thị P; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không, tiền án: 06.

+ Bản án số: 90/2009/HS-ST ngày 17/6/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xử phạt 18 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/9/2010, chưa thi hành án phí hình sự.

+ Bản án số: 18/2011/HS-ST ngày 18/5/2011 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Bản án số: 125/2011/HS-ST ngày 28/6/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và 03 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội phải chấp hành là 04 năm 06 tháng tù. Đã chấp hành xong hình phạt tù.

+ Bản án số: 59/2015/HS-ST ngày 28/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 03 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tổng hợp hình phạt 02 năm tù của Bản án số: 18/2011/HSST ngày 18/5/2011 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu, buộc phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 05 năm tù.

+ Bản án số: 13/2016/HS-ST ngày 21/3/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 04 năm tù về tội “*Công nhiên chiếm đoạt tài sản*”. Tổng hợp hình phạt 05 năm tù của Bản án số: 59/2015/HSST ngày 28/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu, buộc phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 09 năm tù.

+ Bản án số: 39/2016/HS-ST ngày 08/9/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 04 năm tù về tội “*Công nhiên chiếm đoạt tài sản*”. Tổng hợp hình phạt 09 năm tù của Bản án số: 13/2016/HSST ngày 21/3/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, buộc phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 13 năm tù.

Bị cáo đang chấp hành án trong vụ án khác.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn N đang chấp hành án tại Phân trại số 2 thuộc Trại giam C (tỉnh Cà Mau). Do có ý định trốn việc chấp hành án khỏi Trại giam từ trước nên khoảng 06 giờ 00 phút ngày 04/02/2025, N được bố trí lao động, học nghề tại xưởng lao động tập trung của Phân trại số 2 thuộc Trại giam C như thường ngày, do đồng chí Nguyễn Hoàng A là Cảnh sát quản giáo trực tiếp quản lý, trông coi Nữa.

Đến khoảng 10 giờ 20 phút cùng ngày, Nguyễn Hoàng A đưa N đến phòng làm việc gần khu vực xưởng để hướng dẫn viết đơn trình bày hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn. Sau khi hướng dẫn xong, Hoàng A đi lấy mẫu đơn cho N viết. Lúc này N lợi dụng không có ai quản lý nên đã bỏ trốn và chui vào cái mền treo cặp hàng rào nằm để chờ cơ hội trốn khỏi Trại giam. Khoảng 05 phút sau, Hoàng A phát hiện N đã bỏ trốn nên đề nghị Nguyễn Tấn Đ – Cảnh sát bảo vệ đang trực gác vọng nỏ 03 phát súng cảnh báo, N nghe Hoàng A kêu tên của N và nghe tiếng súng nỏ nhưng vẫn tiếp tục trốn mà không ra trình diện. Lực lượng tiến hành truy tìm đến khoảng 11 giờ 10 phút cùng ngày phát hiện và bắt giữ đối với N.

Tại cáo trạng số: 49/CT-VKS ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau đã truy tố **Nguyễn Văn N** về tội “Trốn khỏi nơi giam, giữ” theo khoản 1 Điều 386 của Bộ luật sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử xin sửa chữa một phần quyết định truy tố đối với **Nguyễn Văn N** theo cáo trạng số: 49/CT-VKS ngày 09 tháng 02 năm 2026 do có sai sót trong kỹ thuật đánh máy là dự trữ giữ trong phần tội danh và đề nghị:

- Về hình sự: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn N** phạm tội “Trốn khỏi nơi giam”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 386; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56 của Bộ luật sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn N** từ 09 tháng đến 01 năm 06 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 13 năm tù của Bản án số: 39/2016/HS-ST ngày 08/9/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án từ 13 năm 09 tháng đến 14 năm 06 tháng tù. Trừ đi thời gian bị cáo đã chấp hành án tính đến ngày tuyên án là 10 năm 08 tháng 09 ngày. Thời hạn tù còn lại phải chấp hành là 02 năm 03 tháng 21 ngày. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án từ 03 năm 21 ngày đến 03 năm 09 tháng 21 ngày.

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh C**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố. Do đó, các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Theo đó thể hiện: Khoảng 10 giờ 20 ngày 04/02/2025, **Nguyễn Văn N** đang lao động tập trung tại Phân trại số 2 thuộc **Trại giam C**, lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý, canh gác của cán bộ quản giáo, bị cáo đã lén lút bỏ trốn. Đến khoảng 11 giờ 10 phút cùng ngày thì bị bắt giữ lại.

[3] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ giam, giữ, cải tạo phạm nhân, đồng thời xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của cơ quan thi hành án hình sự. Bị cáo là đối tượng đang chấp hành án, trong lúc lao động tập trung, bị cáo đã lừa dối, lợi dụng sự sơ hở của người canh gác, quản lý rồi lén lút trốn khỏi nơi giam với lỗi cố ý trực tiếp.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận bị cáo **Nguyễn Văn N** phạm tội “Trốn khỏi nơi giam” theo khoản 1 Điều 386 của Bộ luật hình sự đúng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến hoạt động bình thường, đúng đắn của Cơ quan thi hành án hình sự, gây mất an ninh trật tự tại nơi giam bị cáo nói riêng và trong hệ thống giam, giữ nói chung và gây dư luận không tốt trong quần chúng nhân dân.

[5] Vì vậy, việc xử lý hình sự hành vi trốn khỏi nơi giam, giữ mang tính cảnh báo đối với những người đang bị xử lý hình sự và buộc họ phải tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật trong quá trình bị giam, giữ. Đồng thời, đây cũng là bài học cho xã hội nói chung về hậu quả pháp lý nghiêm trọng khi cố tình trốn tránh trách nhiệm pháp lý.

[6] Hành vi trốn khỏi sự kiểm soát đó là sự xâm phạm trực tiếp đến quyền lực công của Nhà nước. Việc nghiêm trị hành vi này không chỉ bảo vệ quyền lực công mà còn củng cố niềm tin của người dân vào công lý và pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

[7] Hội đồng xét xử thấy rằng nên có mức án tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi bị cáo đã gây ra nhằm để giáo dục, răn đe bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội, đồng thời nhằm cảnh báo, tuyên truyền với những ai không chấp hành quy định của pháp luật, làm cản trở hoạt động công vụ của người thực thi pháp luật, nhằm để phòng ngừa hậu quả đáng tiếc có thể xảy ra tương tự.

[8] Xét nhân thân bị cáo chưa có tiền sự và quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bên cạnh đó, bị cáo có 06 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[9] Như phân tích và đánh giá nêu trên, thấy rằng việc đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp, có căn cứ.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 386, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56 của Bộ luật sự;

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn N**, tên gọi khác: **N1, T** phạm tội “Trốn khỏi nơi giam”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn N** 01 năm tù. Tổng hợp hình phạt tại Bản án này với hình phạt tại Bản án số: 39/2016/HS-ST ngày 08/9/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau). Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 14 năm tù. Trừ đi thời gian bị cáo đã chấp hành án tính đến ngày tuyên án là 10 năm 08 tháng 09 ngày, thời hạn tù còn lại phải chấp hành là 02 năm 03 tháng 21 ngày. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 03 năm 03 tháng 21 ngày tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 16/4/2026.

3. Án phí hình sự sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phân Trại tạm giam Trần Văn Thới;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hứa Minh Hải